

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-3-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Thanh Nhân;

ông Huỳnh Thanh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:* ông Lê Trần Long- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 862/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Mỹ K, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: số A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* anh Lê Phước L, sinh năm 1982; nơi cư trú: số A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Mỹ K trình bày: chị K chung sống với anh L, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã A Trung cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01 ngày đăng ký 17/5/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung: Lê Phước L1, sinh ngày 29/5/2010, Lê Phước L2, sinh ngày 17/7/2014.

Đến năm 2017, vợ chồng lên Bình Dương làm công nhân, anh L thường xuyên tụ tập bạn bè, tổ chức tiệc tùng uống rượu, bia nhiều hơn tại nhà trọ... Mỗi

lần có rượu, bia gây chuyện, chửi thề tục tằng, đổ lỗi cho chị **K** đi chơi chứ không có đi làm ở công ty, trong khi chị **K** đi làm, có báo lại cho anh **L** biết. Có lẽ anh **L** uống nhiều rượu, bia làm cho bản tính hung hãn, tìm đánh chị **K**. Mặc dù vậy, chị **K** vẫn chịu đựng, sống cùng nhà trọ với anh **L** chăm lo cho con. Năm 2020, thấy tính tình anh **L** không chịu sửa đổi nên chị **K** sống ly thân với anh **L** cho đến nay.

Vì vậy, chị **K** yêu cầu ly hôn với anh **L**, chấp nhận giao 02 đứa con cho anh **L** trực tiếp nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa: chị **K** giữ nguyên khởi kiện về ly hôn, ý kiến tự nguyện giao 02 đứa con cho anh **L** trực tiếp nuôi con do con đang sống chung với anh **L**; Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: tính tình của anh **L** thường hay ghen tuông rồi tìm đánh chị **K** ở Công ty tại Bình Dương làm cho vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ việc anh **L** thường xuyên uống rượu, chửi vợ con đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ vợ chồng, từ khi chị **K** yêu cầu ly hôn, anh **L** không có ý kiến, cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, chị **K** không còn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt.

Về con chung **Lê Phước L1** và **Lê Phước L2** đang theo anh **L** đi khỏi địa phương. Tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh **L** vắng mặt, không thể ghi nhận ý kiến của con, từ khi vợ chồng sống ly thân, các con đang sống chung với anh **L**, cho nên chị **K** chấp nhận giao cho anh **L** trực tiếp nuôi con.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận khởi kiện của chị **K** về yêu cầu ly hôn đối với anh **L**; Cần giao cháu **Lê Phước L1** và **Lê Phước L2** cho anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Chị **K** không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị **K** có đơn khởi kiện đối với anh **L** về yêu cầu ly hôn. Anh **L** có địa chỉ cư trú tại **ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang**. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **L** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị **K** với anh **L** là vợ chồng hợp pháp, được nhà nước tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị **K** cho rằng “*anh **L** có tính tình hay ghen, kiếm chuyện gây bạo lực với chị **K** làm cho vợ chồng sống ly thân kể từ năm 2020 đến nay*”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xem xét tình trạng hôn nhân của chị **K**, anh **L** theo lời khai của chị **K**, biên bản xác minh ngày 27/02/2024 của **Ban N** do Tòa án thu thập cho thấy năm 2020, vợ chồng chị **K**, anh **L** thật sự không còn sống chung với nhau tại **ấp A, xã A**, mỗi khi anh **L** trở về đây sinh sống đều không có chị **K** về sống chung.

[3] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng cho anh **L** nhằm tạo điều kiện, tổ chức hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh **L** không có văn bản ý kiến, vắng mặt không có lý do thì xem như anh **L** bỏ mặc việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm theo yêu cầu ly hôn của chị **K**. Bên cạnh đó, chị **K** vẫn không muốn sống chung với anh **L**.

[4] Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị **K** và anh **L** đã có xảy ra mâu thuẫn, từ ngày sống ly thân, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, bỏ mặc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **K** yêu cầu ly hôn với anh **L** là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án chấp nhận khởi kiện của chị **K** về yêu cầu ly hôn với anh **L**.

[5] Khi ly hôn, Tòa án phải lấy ý kiến của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Tuy nhiên chị **K** cho rằng anh **L** đi làm ở xa có dẫn theo 02 đứa con. Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2024 của **Ban N** do Tòa án thu thập cho thấy trẻ **Lê Phước L1**, **Lê Phước L2** thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú do đang sống chung với anh **L** ở nơi khác nên Tòa án không thể xem xét ý kiến của trẻ chưa thành niên. Bên cạnh đó, chị **K** thừa nhận anh **L** đang trực tiếp nuôi con trong thời gian vợ chồng sống ly thân và chấp nhận giao con **Lê Phước L1**, **Lê Phước L2** cho anh **L** trực tiếp nuôi con.

[6] Như vậy, trẻ **Lê Phước L1**, **Lê Phước L2** sống ổn định với anh **L**, được anh **L** quan tâm, chăm sóc tốt, quyền lợi của 02 trẻ được bảo đảm. Chị **K** không có tranh chấp về nuôi con. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tòa án chấp nhận sự tự nguyện của chị **K**, giao con **Lê Phước L1**, **Lê Phước L2** cho anh **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, chị **K** vẫn còn quyền, nghĩa vụ của mẹ đối với con nên anh **L** phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị **K** thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Anh **L** không yêu cầu cấp dưỡng cho con, chị **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí sơ thẩm: chị **K** phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn chị **Phạm Thị Mỹ K** đối với bị đơn anh **Lê Phước L**;

Chị **Phạm Thị Mỹ K** được ly hôn với anh **Lê Phước L**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 01 ngày đăng ký 17/5/2010 do Ủy ban nhân dân xã **A** Trung cấp cho chị **K** và anh **L** không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao con **Lê Phước L1**, sinh ngày 29/5/2010, **Lê Phước L2**, sinh ngày 17/7/2014 cho anh **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con; Chị **K** không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: chị **Phạm Thị Mỹ K** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0014812 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Chị **K** có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh **L** vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tâm Nhân